

Bản án số: 141/2022/HC-PT

Ngày: 04/5/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Hà;

*Các Thẩm phán:* Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Vũ Minh Tuấn.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 178/2021/TLPT-HC ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3449/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa:

**1. Người khởi kiện:** Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962; nơi cư trú: số 80 phố T1, thành phố P, tỉnh H; có mặt.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:* Luật sư Đỗ Thành H2 - Văn phòng luật sư T2 thuộc Đoàn luật sư thành phố H1, có mặt.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh H.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trương Quốc B - Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Trung D - Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 1217/GUQ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020), vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P, tỉnh H.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Bá N - Chủ tịch UBND xã, có đơn

đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Đình N1, sinh năm 1962;
- Ông Trần Đức T3, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Số 80, Tổ 8, Phố T1, phường M, thành phố P, tỉnh H. Đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện bà Vũ Thị T trình bày:*

Gia đình bà Vũ Thị T là chủ sử dụng hợp pháp diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số PL9 tại địa chỉ thôn T4, xã L, thành phố P, tỉnh H. Diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CK657599 ngày 28/8/2017 và có nguồn gốc là được UBND huyện T5 giao đất có thu tiền sử dụng đất từ năm 2002.

Ngày 25/12/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh H đã ra Quyết định số 1771/QĐ-UBND về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị CEO H. Sau đó UBND tỉnh H cũng ban hành các quyết định để phê duyệt, điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu đô thị mới này cũng như cho phép đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới. Tuy nhiên UBND thành phố P, tỉnh H lại liên tục thực hiện các hành vi hành chính trái quy định pháp luật để thu hồi đất của gia đình bà T đối với diện tích đất 100m<sup>2</sup> thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số PL9. Cụ thể: Kiểm kê, kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu; đo đạc diện tích đất của gia đình bà T để phục vụ cho việc thu hồi đất; liên tục gây áp lực cho gia đình bà để buộc gia đình bà T phải bàn giao đất, thực hiện việc thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền. Tại Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu đô thị CEO H thể hiện việc đầu tư xây dựng khu đô thị CEO có tính chất là khu đô thị mới, có cải tạo và chỉnh trang khu vực dân cư cũ. Do vậy, diện tích đất của gia đình bà đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất và thuộc khu dân cư cũ thì không thuộc diện tích nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư khu đô thị mới. Nên việc UBND thành phố thực hiện các hành vi hành chính để thu hồi diện tích đất của gia đình bà Vũ Thị T giao cho Công ty cổ phần đầu tư CEO thực hiện dự án và sau đó Chủ đầu tư lại phân lô bán nền cho khách hàng là hoàn toàn trái quy định pháp luật và các vi hành chính nêu trên của UBND thành phố P đều trái quy định pháp luật về thu hồi đất. Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H giải quyết các yêu cầu: Tuyên bố các hành vi hành chính: ngăn cấm không cho gia đình bà sử dụng diện tích đất tại thửa số 10, tờ bản đồ PL9 tại xã L để san lấp và xây dựng nhà ở suốt nhiều năm nay; kiểm kê, kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc, cây cối và hoa màu trên diện tích đất của gia đình bà để thu hồi

đất, đo đạc diện tích đất của gia đình bà để phục vụ cho việc thu hồi đất; liên tục gây áp lực cho gia đình bà để buộc gia đình bàn giao đất thực hiện việc thu hồi đất xây dựng khu đô thị CEO H là trái quy định pháp luật. Buộc UBND thành phố P phải chấm dứt các hành vi trên, buộc UBND thành phố P giữ nguyên hiện trạng đất ở của gia đình bà, không thực hiện việc thu hồi thửa đất diện tích 100m<sup>2</sup> trên để gia đình bà thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

*Quan điểm của đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh H trình bày:*

Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị R được UBND tỉnh H phê duyệt cho phép đầu tư tại Quyết định số 876<sup>a</sup>/QĐ-UBND ngày 29/6/2012, trong đó Chủ đầu tư là Công ty cổ phần tập đoàn CEO. Dự án có 6 phân kỳ, trong đó phân kỳ 1 đã hoàn thành thuộc địa bàn phường L1; phân kỳ 2, 3 thuộc địa bàn phường L1, xã L nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2016 và 2018 của thành phố P được UBND tỉnh H phê duyệt tại Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 và Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 29/12/2017. Cả 24 hộ dân cư (giáp đường ĐT491) có các lô đất thuộc xã L đều thuộc phạm vi thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Xây dựng Khu đô thị R (phân kỳ II). Do đó UBND thành phố đã chỉ đạo thực hiện các trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Khi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã được cấp có thẩm quyền thông báo thu hồi đất và Hội đồng bồi thường GPMB đang tiến hành triển khai trình tự thì người sử dụng đất phải giữ nguyên hiện trạng, không được xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc... đồng thời phải có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng để tiến hành kiểm đếm, xác nhận số liệu làm cơ sở xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định pháp luật.

Do vậy, việc UBND thành phố chỉ đạo thực hiện các trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đối với 24 hộ dân có đất thu hồi thuộc vị trí mặt đường ĐT491, trong đó có hộ gia đình bà Vũ Thị T là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H xử bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Vũ Thị T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Lại Tiến T6 - Chủ tịch UBND xã L tại văn bản ý kiến và Báo cáo số 04/BC-UBND ngày 21/01/2021 xác định: Năm 2001, thực hiện chủ trương của tỉnh H, UBND huyện T5 về việc giao đất giãn cư cho hộ gia đình cá nhân làm nhà ở trên địa bàn xã L (lúc này xã L còn thuộc địa giới hành chính của huyện T5). UBND xã đã xét duyệt, lập tờ trình UBND huyện T5 ra quyết định giao đất giãn cư trên địa bàn xã gồm 79 hộ dân, trong đó có hộ bà Bùi Thị L2, có hộ khẩu thường trú tại thôn N2, xã L, thành phố P. Vị trí đất này trước khi giao là đất mặt nước hoang, thuộc quỹ đất do UBND xã quản lý. Đến năm 2004, thực hiện KH 566 về việc đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã L, huyện T5 (nay là thành phố P), hộ gia đình và Bùi Thị L2 đã được

UBND huyện T5 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006, diện tích 100m<sup>2</sup>, loại đất ONT, thửa số 10, tờ bản đồ PL9, địa chỉ thôn T4, xã L, thành phố P. Nguồn gốc sử dụng đất là nhà nước giao đất có thu tiền. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Bùi Thị L2 đã chuyển nhượng cho một người khác, bà Vũ Thị T là người nhận chuyển nhượng lại. Hiện trạng thửa đất cho đến nay bà T chưa san lấp cũng như xây dựng các công trình trên đất. Tại Quyết định số 876<sup>a</sup>/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 đã phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng dự án hạ tầng kỹ thuật khu đô thị R, dự án có phân kỳ 2, 3 thuộc địa bàn xã L nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2016 và 2018 của thành phố P được UBND tỉnh H phê duyệt tại Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 và Quyết định 2499/QĐ-UBND ngày 29/12/2017. Cả 24 hộ dân cư giáp đường ĐT491 có các lô đất thuộc xã L đều thuộc phạm vi thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án xây dựng Khu đô thị mới R (phân kỳ II). Do vậy, việc UBND thành phố P chỉ đạo thực hiện các trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đối với 24 hộ dân có đất thu hồi thuộc vị trí mặt đường ĐT491, trong đó có hộ gia đình và Vũ Thị T là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Vũ Thị T.

- Ông Trần Đình N1 và anh Trần Đức T3 là chồng và con trai bà Vũ Thị T có quan điểm: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H căn cứ các quy định pháp luật để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 49, Điều 62, Điều 63, Điều 67 và 69 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 02/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/10/2006; Điều 30, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**Xử:** Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố các hành vi hành chính của UBND thành phố P, tỉnh H là trái pháp luật và buộc UBND thành phố phải chấm dứt các hành vi sau: ngăn cấm không cho gia đình bà sử dụng diện tích đất tại thửa số 10, tờ bản đồ PL9 tại xã L để san lấp và xây dựng nhà ở suốt nhiều năm nay; kiểm kê, kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc, cây cối và hoa màu, đo đạc diện tích đất trên của gia đình bà để phục vụ cho việc thu hồi đất; liên tục gây áp lực để buộc gia đình bà bàn giao đất thực hiện việc thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; buộc UBND thành phố P giữ nguyên hiện trạng đất ở của gia đình bà, không thực hiện việc thu hồi diện tích 100m<sup>2</sup> đất trên để gia đình bà thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/3/2021, người khởi kiện là bà Vũ Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bà Vũ Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có ý kiến thể hiện: Bà Vũ Thị T là chủ sở hữu hợp pháp của diện tích đất 100m<sup>2</sup> thửa số 10, tờ bản đồ PL9, địa chỉ thôn T4, xã L, thành phố P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CK657599 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 28/8/2017; tại thời điểm thực hiện dự án diện tích đất của gia đình bà T thuộc khu dân cư cũ không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu đô thị mới R, do vậy các hành vi hành chính của UBND thành phố P, tỉnh H nhằm thu hồi diện tích đất của gia đình bà T theo đơn khởi kiện của bà T đều trái pháp luật. Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của người kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện, kháng cáo:

Các hành vi hành chính trong việc thực hiện các trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất 100m<sup>2</sup>, thửa số 10, tờ bản đồ số PL9 thuộc địa bàn xã L, thành phố P, tỉnh H của UBND thành phố P là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh H theo quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

*Về thời hiệu khởi kiện:* Bà Vũ Thị T là chủ sử dụng diện tích đất trên đã có đơn khởi kiện các hành vi hành chính của UBND thành phố P, sau đó có đơn bổ sung ngày 28/8/2020 gửi đến Tòa án tỉnh H khi còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, UBND xã L có đơn xin xét xử vắng mặt; người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 29/6/2012, tại Quyết định 876<sup>a</sup>/QĐ-UBND của UBND tỉnh H cho phép đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới R chia làm 6 phân kỳ, trong đó có phân kỳ 2, 3 thuộc địa bàn xã L1, xã L với mục tiêu: xây dựng mới đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hình thành khu đô thị mới khang trang hiện đại, đồng bộ cả về hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc, môi trường và hạ tầng xã hội; khai thác và sử dụng hiệu quả quỹ đất, đáp ứng các nhu cầu về nhà ở cho khu vực, đảm bảo sự phát triển lâu dài cho khu đô thị.

Ngày 13/02/2017, UBND tỉnh H ban hành Quyết định 172/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phía Nam thuộc Khu đô thị mới R trong đó có nội dung điều chỉnh liên quan đến địa giới hành chính thôn T4, xã L, đường tỉnh lộ ĐT491. Ngày 08/11/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định 2076/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu phía Nam thuộc Khu đô thị mới R.

Ngày 07/12/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh H ban hành Nghị quyết số 27/NQ-HĐND về các dự án thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa bỏ sung năm 2017 và 2018 trên địa bàn tỉnh H. Ngày 29/12/2017, UBND nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 2499/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố P trong đó có dự án Khu đô thị R (CEO giai đoạn 2, 3) thuộc địa bàn xã L, thành phố P, tỉnh H.

Sau khi có Nghị quyết Hội đồng nhân dân. Căn cứ vào Quyết định số 876<sup>a</sup>/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của UBND tỉnh H; Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phía Nam thuộc Khu đô thị mới R. Do diện tích đất của gia đình bà Vũ Thị T nằm trong diện phải thu hồi để thực hiện dự án nên UBND thành phố P ra Thông báo số 609/TB-UBND ngày 19/6/2018 về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới R phân kỳ 3, địa bàn xã L, thành phố P đối với diện tích dự kiến thu hồi 100m<sup>2</sup> đất ONT, thửa đất số 10 thuộc tờ bản đồ số PL09, tại xã L của hộ bà Vũ Thị T có địa chỉ tại tổ 8, phường Minh Khai, thành phố P, tỉnh H. Lý do thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới R phân kỳ 3, địa bàn xã L, thành phố P. Tại Thông báo trên (phần 5) về quản lý phạm vi đất đã được thông báo thu hồi ghi: “Nghiêm cấm mọi hành vi xây dựng, coi nói nhà cửa vật kiến trúc, cây cối hoa màu cây trồng dưới mọi hình thức, tạo lập làm thay đổi hiện trạng các thửa đất trong phạm vi thu hồi đã thông báo. Mọi công trình, tài sản, vật kiến trúc cây cối hoa màu hình thành sau khi đã thông báo thu hồi sẽ không được bồi thường”. Sau đó các cơ quan chức năng đã tiến hành các thủ tục, hoạt động như thực hiện kiểm đếm, thống kê diện tích để thực hiện việc thu hồi đất theo đúng trình tự quy định tại Điều 62, 63, 67 và 69 Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc UBND thành phố giữ nguyên hiện trạng đất ở của gia đình bà, không thực hiện việc thu hồi diện tích đất ở 100m<sup>2</sup> để gia đình bà thực hiện quyền của người sử dụng đất. Tuy nhiên qua xác minh tại UBND xã L xác định, diện tích đất 100m<sup>2</sup> của gia đình bà T là đất được UBND huyện T5, xã L giao đất giãn dân cho 79 hộ có địa chỉ tại xã L năm 2001 trong đó có hộ bà Bùi Thị L2 có địa chỉ tại thôn N2, xã L, việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, nguồn gốc đất giao cho các hộ là đất mặt nước hoang do UBND xã quản lý. Diện tích 100m<sup>2</sup> đất tại thửa số 10, tờ bản đồ PL9 của gia đình bà T là đất nhận chuyển nhượng lại từ hộ bà Bùi Thị L2 (trước đó bà Lan đã bán cho 1 người khác), hiện tại thửa đất trên gia đình bà T vẫn chưa xây dựng, san lấp nên không có nhà cửa, vật kiến trúc chỉ có bề rau muống (theo biên bản kiểm đếm của Tổ công tác Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố ngày 15/11/2018). Mặt khác, Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới R là dự án xây dựng mới đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hình thành khu đô thị mới hiện đại, đồng bộ cả về hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc, môi trường và hạ tầng xã hội, có khu dân cư và các công trình dịch vụ khác như công viên, trường học, đường, điện.. có ranh giới và hình thành khu đô thị tách biệt nên việc UBND thành phố P dự kiến thu hồi diện tích đất của gia đình bà Vũ Thị T để phục vụ thực hiện dự án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 02/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/10/2006 về việc ban hành quy chế khu đô thị mới và Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T là có cơ sở, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T.

[3] Về án phí: Bà Vũ Thị T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà Vũ Thị T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005725 ngày 11/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

**\* Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**(đã ký)**

**Vũ Thị Thu Hà**